

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360450	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/12/2007	02DS15C2			0,0	TBKT			0,0	Học lại
2	2223180076	Dương Thị Ngọc	Anh	08/01/1997	02DS15A2	8,5	8,5	8,5		3,8		5,7	Đạt
3	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2001	02DS15A2	9,0	8,5	8,7		5,8		6,9	Đạt
4	2223240168	Võ Hoài	Ân	19/07/2004	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		3,2		5,1	Đạt
5	2223360599	Đỗ Vũ Khánh	Băng	28/09/2006	02DS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
6	2223240265	Nguyễn Tấn	Bình	18/12/2000	02DS15A2	8,5	8,5	8,5		5,2		6,5	Đạt
7	2223240171	Phan Ngọc Phương	Chi	17/11/1982	02DS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
8	2223240267	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	30/09/1996	02DS15A2	8,5	9,0	8,8		6,4		7,4	Đạt
9	2223240143	Phan Đình Thuỳ	Dung	04/03/2003	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		4,0		5,6	Đạt
10	2223360598	Nguyễn Thành	Đạt	19/07/2006	02DS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
11	2223240079	Bùi Thị	Điệp	15/06/1998	02DS15A2	8,0	8,5	8,3		5,4		6,6	Đạt
12	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02DS15A2	8,0	7,5	7,7		3,8		5,3	Đạt
13	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02DS15A2	8,0	8,5	8,3		4,8		6,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360442	Nguyễn Minh	Hằng	17/06/2005	02DS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
15	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	02DS15A2	9,5	8,5	8,8		5,4		6,8	Đạt
16	2223360535	Phạm Duyên	Hân	11/09/2007	02DS15C2	8,0	5,0	6,0		3,6		4,6	Đạt
17	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/6/1991	02DS15C2	9,0	9,0	9,0		5,0		6,6	Đạt
18	2223360567	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	07/01/2006	02DS15C2	8,0	6,0	6,7		2,4		4,1	Đạt
19	2223360096	Tạ Trung	Kiên	22/07/2002	02DS15C2	3,5	5,0	4,5	TBKT			1,8	Học lại
20	2223360424	Lê Bắc	Khăm	01/01/2003	02DS15C2	7,5	8,5	8,2		4,2		5,8	Đạt
21	2223240215	Dương Ngọc	Khuong	05/06/2004	02DS15A2	8,5	8,0	8,2		3,6		5,4	Đạt
22	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	9,5	9,0	9,2		5,0		6,7	Đạt
23	2223240084	Đỗ Thị Yên	Linh	06/03/2003	02DS15A2	9,5	9,0	9,2		5,6		7,0	Đạt
24	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02DS15C2	8,0	8,5	8,3		5,0		6,3	Đạt
25	2223360532	Lý Hồng	Lụa	05/06/2007	02DS15C2	8,0	7,5	7,7		3,6		5,2	Đạt
26	2223360303	Phạm Mộc	Miên	20/10/2007	02DS15C2	8,0	8,5	8,3				3,3	Thi lại
27	2223360569	Phạm Nhật	Minh	01/07/2006	02DS15C2	7,5	5,0	5,8		2,6		3,9	Thi lại
28	2223180048	Lê Thị Kiều	My	04/10/1994	02DS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	2223360568	Phạm Thành	Nam	16/09/2004	02DS15C2	6,5	6,0	6,2		5,0		5,5	Đạt
30	2223360455	Nguyễn Thị Tố	Nga	17/09/2007	02DS15C2	8,5	8,5	8,5		5,0		6,4	Đạt
31	2223240208	Lê Hoàng Thanh	Ngân	11/11/2004	02DS15A2	8,0	6,5	7,0		3,8		5,1	Đạt
32	2223360515	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ngân	14/05/2006	02DS15C2	7,5	6,0	6,5		1,6		3,6	Thi lại
33	2223360529	Phạm Trung	Nghĩa	26/09/2007	02DS15C2	8,0	4,0	5,3				2,1	Thi lại
34	2223240289	Phan Thị Tuyết	Nhi	12/10/2000	02DS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
35	2223360533	Lý Hồng	Nhung	04/01/2005	02DS15C2	9,5	8,0	8,5				3,4	Thi lại
36	2223240283	Trịnh Thị Yên	Nhur	04/10/2003	02DS15A2	8,5	6,5	7,2		4,2		5,4	Đạt
37	2223240211	Phan Hồng	Phấn	19/10/2004	02DS15A2	7,5	8,5	8,2		2,6		4,8	Đạt
38	2223240188	Nguyễn Thanh	Phong	28/12/2001	02DS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
39	2223360591	Vòng Mỹ	Phụng	01/06/2004	02DS15C2	8,0	9,0	8,7		6,4		7,3	Đạt
40	2223360510	Nguyễn Thị Thanh	Quyền	26/09/2003	02DS15C2	8,0	7,5	7,7		2,6		4,6	Đạt
41	2223360044	Võ Thị Thủy	Tiên	09/09/2002	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		4,2		6,0	Đạt
42	2223240075	Võ Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	02DS15A2	8,0	9,0	8,7		5,6		6,8	Đạt
43	2223360571	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22/12/2006	02DS15C2	8,0	7,0	7,3		3,4		5,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
44	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02DS15A2	7,5	9,0	8,5		4,4		6,0	Đạt
45	2223180028	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	10/12/1991	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		5,4		6,8	Đạt
46	2223360550	Đàng Thị Kim	Thê	03/09/2002	02DS15C2	8,0	6,5	7,0		4,4		5,4	Đạt
47	2223360531	Nguyễn Huỳnh Minh	Thiện	17/03/2006	02DS15C2	6,5	5,5	5,8		2,4		3,8	Thi lại
48	2223240048	Trương Thu	Thủy	01/01/1994	02DS15A2	8,0	9,0	8,7		6,4		7,3	Đạt
49	2223240144	Trương Minh Nguyên	Thương	30/08/1994	02DS15A2	8,5	8,5	8,5		5,0		6,4	Đạt
50	2223240246	Bùi Ngọc	Trâm	17/10/2001	02DS15A2	7,5	9,5	8,8		5,6		6,9	Đạt
51	2223360230	Trần Lê Kiều	Trinh	03/10/2006	02DS15C2	8,0	5,5	6,3		4,8		5,4	Đạt
52	2223240275	Huỳnh Ngọc Kiều	Trinh	03/12/2001	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		4,2		5,7	Đạt
53	2223360572	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	03/10/2007	02DS15C2	8,5	3,5	5,2		2,0		3,3	Thi lại
54	2223180080	Lê Xuân	Trường	19/06/2004	02DS15A2	8,0	7,5	7,7		4,0		5,5	Đạt
55	2223360577	Trịnh Xuân	Trường	30/01/1998	02DS15C2	8,0	8,5	8,3		4,2		5,9	Đạt
56	2223360557	Nguyễn Thế	Vinh	26/01/2005	02DS15C2	8,0	8,0	8,0		0,0		3,2	Thi lại
57	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	28/10/2001	02DS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
58	2223360426	Võ Tường	Vy	04/12/2007	02DS15C2	8,0	8,5	8,3		0,0		3,3	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
59	2223360559	Lê Phan Tường	Vy	15/03/2007	02DS15C2	8,0	0,0	2,7	TBKT	0,0		1,1	Học lại
60	2223360562	Nguyễn Thảo	Vy	04/03/2007	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		3,4		5,5	Đạt
61	2223360428	Hà Bích	Xuyên	27/05/2007	02DS15C2	4,5	9,0	7,5		3,2		4,9	Đạt
62	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02DS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại